

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

PHẠM THỊ DIỆU LINH

**PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG
TỈNH THANH HOÁ TRONG BỐI CẢNH
BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU**

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển

Mã số : 9310105

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI, 2021

Công trình được hoàn thành tại:

VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. GS. TS NGÔ THẮNG LỢI**
- 2. TS. TRẦN HỒNG QUANG**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án
cấp cơ sở họp tại Viện Chiến lược phát triển

Vào hồi: ngày tháng năm 2021

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Viện Chiến lược phát triển

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ở các tỉnh của Việt Nam cũng như ở tỉnh Thanh Hóa nói riêng, tuy chính quyền các cấp đã quan tâm đến phát triển nông nghiệp bền vững, theo đó đã triển khai rất nhiều chương trình, đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thực thi nhiều giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu... nhưng nông nghiệp vẫn bị thiệt hại lớn từ biến đổi khí hậu, từ dịch bệnh gia súc, gia cầm... Cho đến nay thành tựu về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở các tỉnh đang đạt được ở mức hạn chế (lúc thì dư thừa thanh long, dưa hấu, chuối; lúc thì thiếu thịt lợn, thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh xảy ra ở khắp các nơi. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng phải kể đến việc lúng túng trong thực tiễn vì còn nhiều vấn đề lý luận về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu chưa được làm rõ; các nơi lúng túng khi hoạch định chính sách và tìm giải pháp để nông nghiệp phát triển bền vững.

Thanh Hóa có tiềm năng phát triển nông sản hàng hóa đa dạng và với khối lượng lớn nhưng sản xuất nông nghiệp đang còn ít nông sản hàng hóa, sản xuất chưa có hiệu quả và chưa bền vững. Thanh Hóa có địa hình, điều kiện tự nhiên có nhiều nét giống như đối với cả nước và giống nhiều tỉnh như có biển, đồng bằng, trung du miền núi.

Việt Nam có 28 tỉnh ven biển, trong đó có nhiều địa phương giống như Thanh Hóa. Nếu nghiên cứu thành công vấn đề phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa thì có thể tham khảo cho những tỉnh có điều kiện tương đồng dọc ven biển của nước ta từ Quảng Ninh vào tới Bình Thuận.

Với những lý do nêu trên, tác giả chọn vấn đề **“Phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu”** làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế phát triển với mong muốn góp phần làm rõ thêm những vấn đề cần thiết để phát triển nông nghiệp bền vững, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh này một cách có hiệu quả.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến năm 2025 một cách có căn cứ khoa học.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu đề ra luận án phải bám sát ba từ khóa: Phát triển nông nghiệp bền vững, tỉnh Thanh Hoá, bối cảnh biến đổi khí hậu. Tỉnh Thanh Hóa là địa bàn nghiên cứu và thực hiện thành công những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

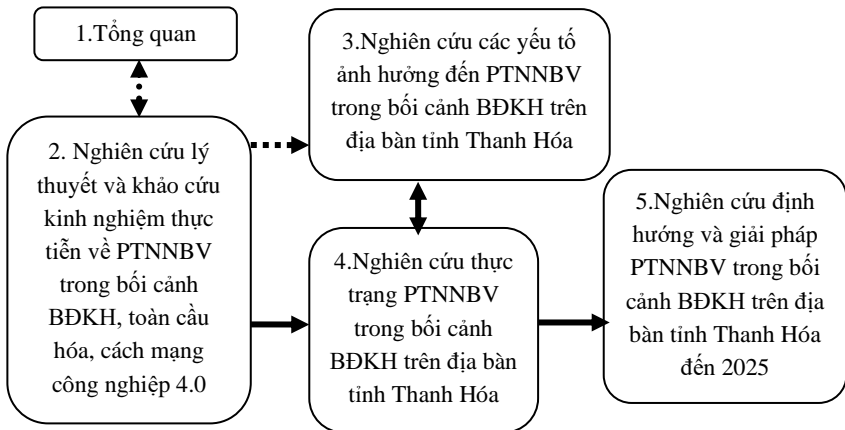
(1). Làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu đối với một tỉnh, tạo cơ sở lý thuyết phục vụ nghiên cứu luận án. Đối với nhiệm vụ này phải làm sáng tỏ vấn đề cơ sở lý luận để nghiên cứu đề tài là gì?

(2). Đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2011 - 2019 (nhiệm vụ này phải làm rõ mặt được, mặt chưa được và nguyên nhân của những thành công, hạn chế trong quá trình phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa là gì. Đồng thời cần phân tích rõ cơ quan quản lý nhà nước đã làm gì để phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh hóa).

(3). Đề xuất định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa đến 2025 trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Nhiệm vụ này cần xác định các giải pháp gì cần thực thi để phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa.

3. Khung nghiên cứu

Khung nghiên cứu cho biết quy trình các bước cùng nội dung nghiên cứu phát triển bền vững nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa.



Hình 1.1: Sơ đồ Khung nghiên cứu của luận án

Ghi chú: PTNNBV: Phát triển nông nghiệp bền vững; BĐKH: biến đổi khí hậu;

Giải thích: ———— Mọi quan hệ chi phối; ······ Mọi quan hệ tương tác

4. Quan điểm, phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Quan điểm chỉ đạo nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu luận án, tác giả tuân thủ các quan điểm chỉ đạo chủ yếu sau đây:

Bám sát tư tưởng, quan điểm duy vật biện chứng, duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Trong quá trình đi tìm bản chất của phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa tác giả bám sát tư tưởng phát triển vì người dân, do người dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh và bám sát quan điểm phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa của Đảng cộng sản Việt Nam.

Quán triệt quan điểm đổi mới và phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước đối với nông nghiệp. Trong nhiều văn kiện Đảng cộng sản Việt Nam khẳng định phát triển bền vững vừa là mục tiêu vừa là phương cách để đạt mục tiêu kinh tế - xã hội trong cả trước mắt và lâu dài.

Tuân thủ quan điểm phát triển tổng hợp lãnh thổ, không tách rời phát triển nông nghiệp với phát triển các ngành khác. Phát triển nông nghiệp bền vững phải coi trọng tổ chức sản xuất tiên tiến.

4.2. Phương pháp tiếp cận nghiên cứu

Tác giả tiếp cận đề tài nghiên cứu theo các hướng chính:

Tiếp cận hệ thống: Tiếp cận nông nghiệp với tư cách là một hệ thống, xem xét các mặt, các khía cạnh của sự phát triển nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Không xem nông nghiệp như một hệ thống tự thân mà phải xem nông nghiệp như một hệ thống luôn luôn vận động và phát triển trong mối quan hệ tương tác chặt chẽ với các ngành khác.

Tiếp cận từ lý thuyết đến thực tiễn: từ nghiên cứu lý thuyết đến phân tích thực tiễn phát triển nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý thuyết tác giả tiến hành phân tích thực trạng, đề xuất định hướng rồi đi đến xác định giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt.

Tiếp cận liên ngành - liên vùng: Nông nghiệp quan hệ tương tác với các ngành khác như với công nghiệp, dịch vụ, tiêu dùng, xuất khẩu

nên việc nghiên cứu sự phát triển nông nghiệp phải cùng xem xét với sự phát triển dân số, thị trường, công nghiệp chế biến nông sản, cung cấp vật tư nông nghiệp.... Nông nghiệp của Thanh Hóa có quan hệ mật thiết với nông nghiệp của các tỉnh khác mà không thể khép kín trong một địa phương. Vì thế, xem xét sự phát triển nông nghiệp của Thanh Hóa phải cùng xem xét sự phát triển nông nghiệp của các địa phương khác trong quan hệ cạnh tranh.

Tiếp cận theo nguyên lý nhân - quả: Theo lý thuyết mỗi kết quả có nguyên nhân của nó, trong quá trình phân tích phát triển nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu sẽ tìm ra các nguyên nhân làm cho nông nghiệp của Thanh Hóa phát triển chưa được như mong muốn.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Để hoàn thành luận án, tác giả sử dụng phổ biến các phương pháp chủ yếu như:

Phương pháp phân tích hệ thống: được sử dụng để phân tích nông nghiệp như một hệ thống kinh tế - kỹ thuật, và đến lượt nó thì phân tích nông nghiệp như một bộ phận của nền kinh tế của tỉnh Thanh Hóa. Khi xây dựng bộ chỉ tiêu phân tích kết quả và hiệu quả đối với phát triển nông nghiệp thì mỗi chỉ tiêu được xem xét dưới góc độ nó phản ánh một mặt của phát triển nông nghiệp.

Phương pháp phân tích thống kê: sử dụng để phân tích hiện trạng và dự báo định lượng về tương lai phát triển nông nghiệp. Trong khi sử dụng phương pháp phân tích thống kê, tác giả kết hợp sử dụng các phương pháp bản đồ, biểu bảng và đồ thị: được sử dụng để trợ giúp trong quá trình phân tích và đưa ra những kết luận hay nhận định nào đó. Các biểu đồ, sơ đồ, hình vẽ giúp minh chứng cho các nhận định trong quá trình phân tích các vấn đề cần thiết. Để có số liệu tính toán tác giả sẽ phải thu thập thêm số liệu thống kê bằng nhiều cách và xử lý thành bộ số liệu tinh phục vụ yêu cầu nghiên cứu.

Phương pháp chuyên gia: Sử dụng để bổ sung thêm thông tin và giúp thẩm định các kết quả nghiên cứu của tác giả luận án. Tác giả luận án đã lập phiếu điều tra để lấy thêm ý kiến của các nhà khoa học, các nhà quản lý, chuyên gia chuyên ngành nông nghiệp về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bền vững và xin ý kiến đánh giá

về bộ chỉ tiêu phân tích phát triển nông nghiệp bền vững mà tác giả đã đề xuất. Kết quả là tác giả đã thu được 121 ý kiến trả lời.

Phương pháp so sánh: được sử dụng để so sánh các năm với nhau, so sánh Thanh Hóa với các đối sánh khác trong quá trình phân tích phát triển nông nghiệp Thanh Hóa ở các thời kỳ.

Phương pháp dự báo: sử dụng để dự báo các chỉ tiêu, mục tiêu và định hướng phát triển nông nghiệp đến năm 2025. Mỗi chỉ tiêu/ mục tiêu được dự báo theo các biến riêng phù hợp với yêu cầu cụ thể.

Phân tích theo mô hình toán: Theo quan điểm của tác giả Trần Thọ Đạt phương pháp phân tích tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành nông nghiệp (cụ thể là phương pháp véc - tơ đề xuất bởi tác giả Moore J. vào năm 1978 (trong bài viết “*A Measure of Structural Change in Output*”: xác định $\cos \varphi$ và φ) cho các năm hoặc thời kỳ thuộc giai đoạn từ 2010 đến 2019.

Phương pháp phân tích mô hình SWOT: sử dụng để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với các lựa chọn định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Phương pháp điều tra khảo sát: Tác giả không có điều kiện để tiến hành điều tra xã hội học (theo cách lập phiếu điều tra và gửi đến các đối tượng cần thiết); do đó đã chọn cách khảo sát chuyên gia tại xã Thọ Lâm, huyện Thọ Xuân và tại hợp tác xã Thọ Lâm liên kết với Công ty mía đường Lam Sơn trồng dưa Kim Hoàng Hậu, dưa lưới ứng dụng công nghệ cao (với diện tích 5.000 m²).

Ngoài ra, luận án còn sử dụng phương pháp phân nhóm và tổng hợp hóa, khái quát hóa các ý kiến của các học giả trong quá trình tổng quan các công trình khoa học; đồng thời sử dụng thêm phương pháp diễn giải, phương pháp quy nạp trong quá trình phân tích, đánh giá thực trạng và đề xuất phương hướng, giải pháp phát triển nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa.

5. Những đóng góp mới của luận án

5.1. Về mặt lý luận và học thuật

Luận án đã chỉ ra bản chất của phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu, các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững, kiến nghị phương cách phát triển nông

nghiệp bền vững (hình thành chuỗi giá trị nông sản, tổ hợp nông - công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...). Đồng thời, xác định các chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu đối với tỉnh ở Việt Nam.

5.2. Về mặt thực tiễn

Luận án cung cấp căn cứ khoa học cho chính quyền tỉnh, huyện, xã ở Thanh Hóa trong việc nhìn nhận đúng đắn thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững, nguyên nhân của những thành công cũng như của những hạn chế và có căn cứ khoa học để hoạch định phương hướng đến 2025, giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Đồng thời, giúp những người tham gia sản xuất nông nghiệp ở tỉnh này có thêm hiểu biết, có thêm thông tin cần thiết để cân nhắc tốt hơn việc phát triển cây trồng, vật nuôi gắn với các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp tiên tiến.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1.1. Tổng quan về phát triển nông nghiệp bền vững

Có nhiều học giả đề cập nhiều đến phát triển nông nghiệp bền vững theo quan điểm chung như phát triển bền vững đối với nền kinh tế mà Liên hợp quốc đã đưa ra định nghĩa. Đó là sự phát triển thỏa mãn nhu cầu của các thế hệ hiện tại không gây phương hại đến việc thỏa mãn nhu cầu của thế hệ tương lai. Một vài học giả đưa ra quan điểm phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao.

1.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới phát triển nông nghiệp bền vững

Một số học giả đề cập phát triển nông nghiệp chịu ảnh hưởng lớn từ biến đổi khí hậu. Việc phát triển bền vững nông nghiệp không thể coi thường ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu xảy ra mạnh và gay gắt đối với Việt Nam thì việc phát triển nông nghiệp bền vững nhất thiết phải tính tới biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

1.3. Tổng quan đánh giá phát triển bền vững đối với nông nghiệp

Một số ít học giả đề cập vấn đề này và họ cho rằng, đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững cũng giống như đánh giá phát triển bền vững đối với cả nền kinh tế hoặc có học giả đề cập phát triển bền vững đối với một số cây trồng cụ thể.

Từ những kết quả tổng quan, tác giả luận án rút ra những nhận định quan trọng sau đây:

1.3.1. Những điểm có thể kế thừa cho việc nghiên cứu của luận án

Tư tưởng và quan điểm về phát triển bền vững nói chung mà nội hàm cơ bản của nó là phát triển có sự bền vững trong quá trình diễn ra. Một số cơ quan chính phủ đã đưa ra bộ chỉ tiêu đánh giá phát triển bền vững đối với nền kinh tế quốc gia. Tuy chưa phải là các chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững nhưng trong số đó có chỉ tiêu có thể tham khảo tốt cho luận án, cụ thể như năng suất lao động, GDP/người, mức độ ổn định kinh tế vĩ mô.

Sự phát triển bền vững của nền kinh tế phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó các học giả đã chỉ ra như yếu tố thị trường, công nghệ, nhân lực. Đồng thời, họ đã chỉ ra bản chất của phát triển bền vững đối với nền kinh tế là sự phát triển ổn định, có hiệu quả và có khả năng thích ứng với bên ngoài. Đó là tư tưởng, quan điểm đúng mà luận án có thể tham khảo.

1.3.2. Những vấn đề luận án sẽ phải đi sâu nghiên cứu

Qua kết quả tổng quan cho thấy, luận án cần đi sâu nghiên cứu làm rõ một số vấn đề quan trọng để làm cơ sở lý luận phục vụ việc nghiên cứu của luận án. Đó là những vấn đề chủ yếu sau đây:

Quan niệm rõ ràng hơn về phát triển nông nghiệp, phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu; các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu;

Ý nghĩa đánh giá và hệ thống chỉ tiêu sử dụng để đánh giá phát triển bền vững đối với nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu để ứng dụng vào việc nghiên cứu ở Việt Nam.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TRONG BỐI CẢNH BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

Căn cứ vào kết quả tổng quan và phân tích thực tiễn phát triển nông nghiệp trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam và ở một số nơi, chương 2 làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu và tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản dưới đây:

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Phát triển nông nghiệp bền vững đối với tỉnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Tác giả đã làm rõ nội dung, bản chất vấn đề nông nghiệp và phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Chỉ rõ khi sản xuất các nông sản chủ lực, các sản phẩm sử dụng công nghệ cao có sự phát triển bền vững thì nông nghiệp cũng sẽ có được sự phát triển bền vững. Phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu chính là quá trình làm thay đổi về số lượng và chất lượng của hệ thống sản xuất nông nghiệp một cách tiến bộ, ổn định lâu dài có tính tới các yếu tố biến đổi khí hậu, thị trường và quản lý nhà nước đối với nông nghiệp và tổ chức sản xuất nông nghiệp theo lãnh thổ.

2.1.2. Phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Phát triển nông nghiệp bền vững được hiểu là phát triển nông nghiệp có được sự phát triển có hiệu quả, gia tăng hiệu quả với trạng thái tương đối ổn định trong thời gian tương đối dài để đem lại nhiều lợi ích kinh tế cho cả người sản xuất, người tiêu thụ nông sản, góp phần quan trọng cho sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội (mang lại lợi ích cho địa phương) của tỉnh và thông qua đó góp phần phát triển bền vững của cả nước.

Phát triển nông nghiệp bền vững phải dựa trên cơ sở có sự phát triển hài hòa, nhịp nhàng, cân đối, thích ứng với thị trường và biến đổi khí hậu cùng với phát triển có hiệu quả. Không nhất thiết, không phải lúc nào tất cả các lĩnh vực, sản xuất các loại nông sản đều có được sự phát triển bền vững nhưng nhất thiết việc sản xuất các sản phẩm chủ lực phải được phát triển có hiệu quả, thu được lợi nhuận ổn định.

Bảng 2.1: Các dấu hiệu của phát triển nông nghiệp bền vững

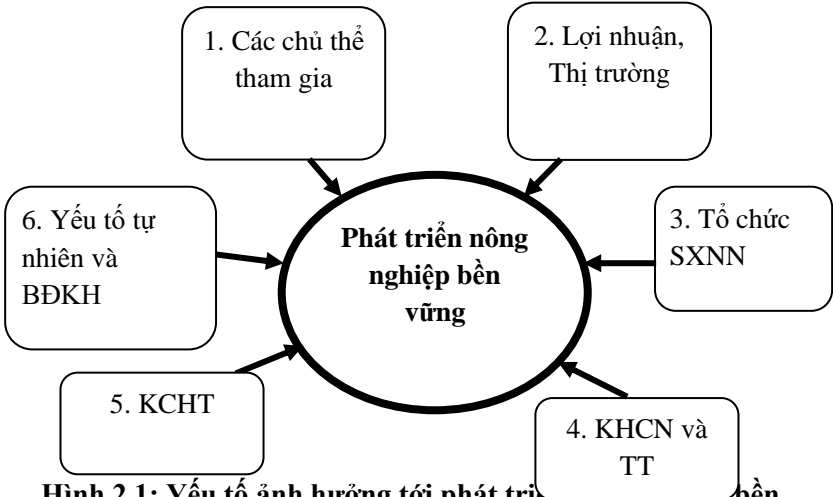
Dấu hiệu	Hàm ý nội dung
1. Hòa hòa	Các phân ngành trong nông nghiệp phát triển trong mối quan hệ tương tác mật thiết với nhau. Nông nghiệp phát triển cân đối với các ngành khác và lĩnh vực khác (nhất là với các lĩnh vực ngoài nông nghiệp). Đảm bảo công bằng lợi ích giữa các chủ thể trực tiếp tham gia phát triển nông nghiệp.
2. Nhịp nhàng	Các phân ngành nông nghiệp phát triển với tốc độ và quy mô phù hợp với nhau và với lĩnh vực công nghiệp chế biến nông sản. Nông nghiệp phát triển phù hợp với các lĩnh vực sản xuất phân bón, vật tư, hóa chất, máy móc thiết bị, nghiên cứu khoa học công nghệ nông nghiệp... phục vụ nông nghiệp.
3. Cân đối	Phát triển nông nghiệp phù hợp với nhu cầu thị trường và các yếu tố đầu vào cho sản xuất nông nghiệp. Đảm bảo quan hệ mật thiết với công nghiệp chế biến.
4. Thích ứng	Phát triển phù hợp với thị trường và với biến đổi khí hậu.
5. Hiệu quả	Đạt được các yêu cầu về lợi ích kinh tế cho những người liên quan một cách công bằng, công khai minh bạch.

Nguồn: Tác giả

2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu đối với tỉnh

Tác giả cho rằng, phát triển nông nghiệp bền vững đối với tỉnh phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Mỗi yếu tố có vai trò riêng và có vị trí quan trọng khác nhau trong mỗi thời kỳ phát triển. Ở mỗi vùng lãnh thổ cụ thể các yếu tố và ảnh hưởng của chúng tới phát triển nông nghiệp bền vững không giống nhau. Chẳng hạn, ở vùng ven biển thì xâm nhập mặn ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp mạnh hơn, ở khu vực miền núi thì lũ lụt, ngập úng về mùa mưa lại ảnh hưởng nhiều hơn tới phát triển nông nghiệp. Ở các vùng nam Trung Bộ, Tây Nguyên khô hạn về mùa khô ảnh hưởng lớn tới phát triển nông nghiệp... Trong quá trình phát triển nông nghiệp, số lượng và vị trí các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp sẽ thay đổi.

Để dễ hình dung các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững, tác giả sơ đồ hóa như hình dưới đây:



Hình 2.1: Yếu tố ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững

Nguồn: Tác giả

Ghi chú: NS&VTMM: nông sản và vật tư, máy móc nông nghiệp; SXNN: sản xuất nông nghiệp; BDKH: biến đổi khí hậu; KHCN và TT: khoa học công nghệ và thông tin; KCHT: Kết cấu hạ tầng.

2.1.4. Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Sau khi nêu yêu cầu đánh giá, ý nghĩa của việc đánh giá, tác giả xác định hệ thống chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Các chỉ tiêu phải được xem xét trong trạng thái gia tăng hoặc giảm tương đối ổn định trong thời kỳ nghiên cứu. Cụ thể đó là:

2.1.4.1. Nhóm chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững đối với tỉnh

(1). *Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững theo phương diện sản xuất*

Chỉ tiêu 1: Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng bình quân năm (hay tính theo giá trị sản xuất nông nghiệp);

Chỉ tiêu 2: Năng suất lao động nông nghiệp;

Chỉ tiêu 3: Năng suất đất nông nghiệp;

Chỉ tiêu 4: Tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp;

Chỉ tiêu 5: Tỷ suất hàng hóa nông sản;

Chỉ tiêu 6: Tỷ lệ thiệt hại do thiên tai;

Chỉ tiêu 7: Tỷ lệ hộ nông dân nghèo.

(2). Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững theo phương diện tiêu thụ nông sản

Chỉ tiêu 1: Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng;

Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp tồn kho;

2.1.4.2. Nhóm chỉ tiêu sử dụng để phân tích nguyên nhân của tình trạng phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu đối với tỉnh

Chỉ tiêu 1: Phân tích cơ cấu sản xuất ngành nông nghiệp;

Chỉ tiêu 2: Phân tích tỷ trọng nông sản chủ lực trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp;

Chỉ tiêu 3: Phân tích tỷ trọng sản phẩm nông sản ứng dụng công nghệ cao trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp;

Chỉ tiêu 4: Phân tích cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp;

Chỉ tiêu 5: Phân tích cơ cấu lao động làm việc trong ngành nông nghiệp;

Ngoài 5 chỉ tiêu nêu trên, trong thực tế còn phải đánh giá mức độ đúng/ sai của chính sách nhà nước đối với phát triển nông nghiệp. Đánh giá chính sách nông nghiệp thông qua kết quả, hiệu quả phát triển nông nghiệp cũng như thông qua phản biện của người dân (nhất là của người nông dân và của doanh nghiệp).

2.2. Kinh nghiệm thực tiễn về phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Tác giả tổng quan kinh nghiệm thực tiễn phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam và một số nơi trên thế giới rồi rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Thanh Hóa để xây dựng định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Cụ thể là:

Phát triển nông nghiệp bền vững là hướng đi đúng đắn để làm giàu cho nông dân và góp phần phát triển bền vững nền kinh tế quốc gia, nhất là trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu và thế giới đang đứng

trước nguy cơ mất an ninh lương thực, thực phẩm đi kèm theo thiếu nước và năng lượng.

Phát triển nông nghiệp bền vững phải đặc biệt chú ý đến tiềm năng, lợi thế về tài nguyên đất, nước cũng như phải chú ý đến biến đổi khí hậu và tiến bộ khoa học công nghệ. Trong quá trình phát triển nông nghiệp phải coi trọng hiện đại hóa nông nghiệp chứ không chỉ ham mê công nghiệp hóa giản đơn.

Phát triển nông nghiệp bền vững phải coi trọng yếu tố toàn cầu hóa, nhất là toàn cầu hóa về chất lượng nông sản và công nghệ canh tác và chế biến nông sản. Khi phân tích yếu tố toàn cầu hóa phải gắn với yếu tố thị trường nông sản (nhất là nhu cầu xuất khẩu tại chỗ và nhu cầu nông sản của các thành phố, khu công nghiệp).

Thành bại của công cuộc phát triển nông nghiệp bền vững phải do sự quyết tâm của cả Nhà nước, chính quyền tỉnh và các “nhà” có liên quan. Đối với nhà nước hay chính quyền tỉnh nếu chỉ sử dụng mệnh lệnh hành chính hoặc hô hào chung chung thì không thể phát triển bền vững nền nông nghiệp ở cấp quốc gia cũng như ở cấp địa phương. Giai đoạn đầu phát triển, thậm chí ở giai đoạn chuẩn bị bứt tốc Nhà nước có vai trò quan trọng hàng đầu đối với phát triển nông nghiệp bền vững. Nhà nước cần dành đầu tư thích đáng hỗ trợ cho việc nghiên cứu tạo giống, nghiên cứu quy trình và công nghệ canh tác, chế biến, xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp cũng như có chính sách khuyến khích thỏa đáng để phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực và xuất khẩu.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG

TỈNH THANH HÓA TRONG GIAI ĐOẠN 2011-2019

3.1. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu của tỉnh Thanh Hóa

3.1.1. Các chủ thể tham gia sản xuất nông nghiệp

Ở tỉnh Thanh Hoá cũng như các tỉnh khác, tham gia phát triển nông nghiệp đều có các chủ thể: chính quyền các cấp, người nông nhân, nhà công nghiệp chế biến, nhà khoa học, ngân hàng, bảo hiểm.

Chính quyền các cấp ở tỉnh Thanh Hoá đã chú ý đến phát triển nông nghiệp. Họ cụ thể hoá luật pháp và chính sách về phát triển nông

ng nghiệp của nhà nước đồng thời ban hành các chủ trương và giải pháp đặc thù để phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Trong đó nổi bật là các cấp chính quyền đã triển khai quy hoạch phát triển nông nghiệp đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh nói chung và trên địa bàn huyện xã nói riêng.

Chính quyền các cấp đã chú ý đến tích tụ ruộng đất để phát triển nông nghiệp tập trung, quy mô lớn, vì thiếu các chính sách cụ thể nên chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư và lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Mặt khác, chính quyền các cấp chưa đưa ra định hướng thị trường và hướng dẫn tổ chức sản xuất nông nghiệp một cách khoa học nên nhìn chung sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu là phát triển truyền thống. Do đó năng suất và chất lượng chưa cao.

Người nông dân vừa thiếu thông tin vừa thiếu kiến thức về khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, lại thiếu thông tin về thị trường nên đang trong tình trạng tự phát vẫn là chủ yếu.

Các nhà khoa học, ngân hàng, bảo hiểm, các nhà phân phối chưa gắn bó chặt chẽ với người nông dân.

3.1.2. Lợi nhuận và thị trường

Trong những năm vừa qua, đây là yếu tố còn tương đối mờ nhạt trong quá trình nhận thức phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Thanh Hoá. Các cơ quan chính quyền chưa tổ chức nghiên cứu vấn đề lợi nhuận và thị trường để cung cấp thêm thông tin cho người nông dân. Người nông dân thì loay hoay và tự phát tìm kiếm lợi nhuận và thị trường nên họ gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nông sản hàng hoá. Tuy nhiên, càng ngày vấn đề lợi nhuận và thị trường càng trở nên như các yếu tố quyết định đến phát triển nông nghiệp của tỉnh Thanh Hoá.

3.1.3. Tổ chức sản xuất nông nghiệp

Đây là lĩnh vực còn tương đối yếu của tỉnh Thanh Hoá. Tuy đã xuất hiện một số hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến như: nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (trồng dưa lưới, dưa kim hoàng hậu, ...) nhưng đang ở quy mô nhỏ chưa có nhiều tác động đến phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Thanh Hoá.

3.1.4. Khoa học Công nghệ và thông tin

Trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá khoa học công nghệ nông nghiệp tuy đã được chú ý nhưng mới phát triển ở một số nơi, ví dụ công ty mía

đường Lam Sơn, ở một số trang trại phát triển nông sản hàng hoá nhưng đang còn trong tình trạng nhỏ và phân tán. Khoa học công nghệ và thông tin chưa trở thành yếu tố mang tính quyết định đối với người nông dân như ở Lâm Đồng, Sơn La, Bắc Giang...

3.1.5. Kết cấu hạ tầng

Đây là yếu tố đã được tỉnh, huyện, xã chú trọng nên phát triển khá tốt. Mạng lưới đường giao thông kết nối từ các khu sản xuất nông sản hàng hoá tới trung tâm tỉnh lỵ và các khu du lịch ven biển đã được hình thành. Song về kết cấu hạ tầng viễn thông, hệ thống chợ nông sản, sàn nông sản thì chưa được phát triển ở mức cần thiết.

3.1.6. Các yếu tố tự nhiên và biến đổi khí hậu

Tài nguyên đất nông nghiệp tuy nhiều nhưng phần lớn diện tích đất nông nghiệp thuộc loại ít màu mỡ. Diện tích đất sử dụng cho nông nghiệp khoảng 26,8 vạn ha, chiếm khoảng 22% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Trong tổng diện tích đang và sẽ sử dụng cho phát triển nông nghiệp thì diện tích đất dốc và đất bạc màu ven biển có tới khoảng 7 vạn ha (chiếm khoảng 27% so tổng diện tích đất nông nghiệp); đất cát ven biển chiếm khoảng 19%. Quỹ đất nông nghiệp thuận lợi cho phát triển nông nghiệp chỉ có khoảng 73%.

Cũng như các tỉnh ở Bắc Trung Bộ, ở tỉnh Thanh Hoá biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp và gây nhiều thiệt hại cho sản xuất và đời sống. Tình trạng xâm nhập mặn gia tăng. Năm 2019 xâm nhập mặn đã vào sâu tới khoảng 30km, diện tích bị ảnh hưởng từ xâm nhập mặn có khoảng 11 nghìn ha.

3.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Thanh Hóa

3.2.1. Khái quát tình hình phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2011 - 2019

Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa chưa có những đổi mới mạnh mẽ, phát triển chậm, kỹ thuật và công nghệ mới chưa được phát triển mạnh nên về cơ bản nền nông nghiệp của Thanh Hóa phát triển chưa bền vững. Trong thời gian vừa qua lại bị ảnh hưởng xấu từ biến đổi khí hậu và nước biển dâng nên chưa có những biến chuyển rõ nét. Thanh Hóa có khoảng 3,4 triệu dân và tiếp đón khoảng 5-6 triệu khách du lịch hàng năm nên có nhu cầu lớn về nông

sản thực phẩm, nhất là nông sản thực phẩm sạch, chất lượng cao. Riêng khách du lịch nước ngoài đã có khoảng hơn 1 triệu người (con số này còn tăng trong những năm tới). Nếu có biện pháp nâng cao chất lượng phát triển của nông nghiệp thì Thanh Hóa không những đáp ứng được nhu cầu to lớn đó mà còn có thể xuất khẩu tại chỗ với quy mô lớn (phục vụ khách du lịch quốc tế).

3.2.2. Thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Thanh Hóa

Theo công thức tính toán các chỉ tiêu đã trình bày ở chương 2 và trên cơ sở số liệu thu thập được tác giả tiến hành phân tích thực trạng phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Thanh Hóa. Nhìn chung nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa có bước phát triển nhưng hiệu quả đang ở mức thấp và chưa có được sự bền vững cần thiết. Điều đó thể hiện ở những dấu hiệu chủ yếu dưới đây:

3.2.2.1. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp

Giai đoạn 2016-2019 tốc độ tăng GTGT nông nghiệp chỉ khoảng 3,3%/ năm (của giai đoạn trước đạt khoảng 4,1%/ năm). Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp ngay trong những năm có sự phát triển tương đối ổn định (không bị ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt, ngập úng) thì mức gia tăng nông nghiệp cũng chỉ được khoảng 0,03 điểm %/ năm.

3.2.2.2. Năng suất lao động nông nghiệp

Năng suất lao động nông nghiệp thấp, tăng chậm. Tốc độ tăng năng suất lao động nông nghiệp trong giai đoạn 2015-2019 giảm so với giai đoạn 2011-2015 (chỉ tăng khoảng 3,2%/ năm so với mức khoảng 4,5%/ năm trước đó). Cũng vì thế mà khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hóa thấp. Nhìn chung nông sản hàng hóa của tỉnh Thanh Hóa chưa có thương hiệu trên thị trường trong và ngoài nước.

3.2.2.3. Năng suất đất nông nghiệp

Năng suất đất nông nghiệp tuy có tăng về số tuyệt đối, từ mức khoảng 38,2 triệu đồng lên khoảng 45,1 triệu đồng (giá 2010). Song tốc độ tăng thì giảm, từ mức khoảng 3,1%/ năm trong giai đoạn 2011-2015 xuống khoảng 1,7%/ năm ở giai đoạn 2016-2019.

3.2.2.4. Tỷ suất nông sản hàng hóa

Nhìn chung cho đến 2019, tỷ suất hàng hóa nông sản của tỉnh Thanh Hóa đang ở mức thấp (chỉ đạt khoảng 15%) và hầu như không tăng; đó cũng là nguyên nhân góp phần làm cho thu nhập của người

nông dân thấp và bị hạn chế. Điều này cho thấy sức cạnh tranh của nông sản của tỉnh Thanh Hóa nhìn chung đang còn thấp.

3.2.2.5. Tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp

Theo số liệu thống kê của tỉnh Thanh Hóa thì chỉ số này đạt khoảng 43-44% và có xu thế không tăng trong giai đoạn 2016-2019. Tốc độ tăng giá trị gia tăng nông nghiệp giảm từ 3.2%/ 1 năm (giai đoạn 2011-2015) xuống còn 3.1%/ 1 năm (giai đoạn 2016-2019). Đây có thể xem là mức thấp. Tuy nhiên theo tác giả thì chỉ số này có lẽ bị nhiễu bởi một số yếu tố như giá trị của đất, tiền chi cho việc lấy nước tưới tính chưa hết phần giá trị đích thực của nước tưới cho sản xuất nông nghiệp mà mới tính cho phần chi phí của việc bơm nước. Đồng thời việc gây ô nhiễm môi trường đất do bón phân hóa học và sử dụng thuốc trừ sâu cũng chưa được tính toán vào giá thành của sản xuất nông nghiệp... Nếu tính toán hết những khoản đó vào thì giá thành nông sản của tỉnh này sẽ cao hơn và tổng giá trị gia tăng sẽ ít đi nhiều. Khi đó tỷ trọng giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất nông nghiệp cũng sẽ thấp đi.

3.2.2.6. Tỷ lệ hộ nông dân nghèo

Trong giai đoạn 2011 - 2019 tỷ lệ hộ nông dân nghèo giảm tương đối rõ (từ mức 16,4% xuống còn khoảng 6-7%) nhưng thực tế thu nhập của người nông dân thông qua chỉ tiêu giá trị gia tăng nông nghiệp bình quân đầu người tăng chưa nhiều, bình quân chỉ khoảng 2,9%/ năm. Về lý thuyết nếu GDP tăng 4% và dân số tăng khoảng 1% thì đời sống ít được cải thiện. Đối với Thanh Hóa, trong khi dân số nông nghiệp tăng khoảng 1,2% và GTGT nông nghiệp tăng khoảng 3,1% thì có thể xem đời sống của người nông dân cũng ít được cải thiện.

3.2.2.7. Tỷ lệ thiệt hại do thiên tai

Với số liệu có được, nếu so với tổng GRDP thì thiệt hại hàng năm do thiên tai cũng chiếm khoảng 0,9%. (Con số này thấp hơn chút đỉnh so mức trung bình của cả nước 0,98%) nhưng ở Thanh Hóa lại tập trung chủ yếu ở những vùng khó khăn, đời sống của người dân thấp. Đồng thời, tuy chưa có số liệu phản ánh về sự sụt giảm năng suất cây trồng, sản lượng con vật nuôi do thiếu nước, xâm nhập mặn về mùa khô và thiệt hại do ngập lụt về mùa mưa bão nhưng qua làm việc với nhiều người nông dân và các nhà quản lý ở nhiều xã thì mức thiệt hại

đó cũng không phải là nhỏ, có thể nhiều hơn mức thiệt hại do thiên tai mà cơ quan chức năng của tỉnh đo đếm được.

3.2.3. Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững theo phương diện sản xuất và tiêu thụ nông sản

Ở góc độ xem xét hai phương diện sản xuất và tiêu thụ nông sản tác giả tập trung làm rõ những điểm cụ thể dưới đây:

3.2.3.1. Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững theo phương diện sản xuất nông sản

Sản xuất có bước phát triển nhưng vẫn chưa bền vững. GTGT chiếm tỷ trọng trong tổng GTSX chưa lớn. Điều đó chứng tỏ hiệu quả phát triển nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa chưa cao và vì thế phát triển bền vững đạt được ở mức hạn chế.

Cũng theo khảo sát của tác giả, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa phổ biến phát triển nông nghiệp theo kiểu truyền thống có hiệu quả nhìn chung thấp và tác động nhiều đến môi trường theo chiều hướng tiêu cực. Doanh thu trung bình trên mỗi ha đất trồng trọt của huyện Thọ Xuân và huyện Thiệu Hóa chỉ đạt trung bình khoảng 60 - 62 triệu đồng/ năm (tỷ lệ lợi nhuận rất thấp, chỉ vào khoảng 3-5% so doanh thu. Điều đó chỉ ra rằng, đối với tỉnh Thanh Hóa phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đem lại hiệu quả cao hơn hẳn kiểu phát triển nông nghiệp như lâu nay và là phương cách để có được phát triển bền vững đối với nông nghiệp của tỉnh.

Ở góc độ ô nhiễm môi trường do sản xuất nông nghiệp ở Thanh Hóa tuy chưa có thống kê cụ thể nhưng qua khảo sát thực tế tác giả thấy cũng có vấn đề lớn cần có giải pháp khắc chế. Năm 2019, để phát triển 310 nghìn ha gieo trồng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đã sử dụng khoảng 63 nghìn tấn phân đạm, 36 nghìn tấn phân lân, kali và khoảng 72 vạn lít thuốc trừ sâu. Chỉ tính khoảng 10% số hóa chất dư thừa nhiễm vào đất và ngược ngấm thì khối lượng hóa chất nhiễm vào đất làm ô nhiễm đất và chảy vào các nguồn nước gây ô nhiễm nguồn nước là khá lớn. Tuy chưa tính toán được một cách cụ thể nhưng tác động là tương đối lớn vào môi trường sống. Đồng thời, hàng năm trên địa bàn tỉnh nuôi khoảng 83-85 vạn con lợn, 19-20 vạn con trâu, 25-26 vạn con bò chúng thải ra môi trường khoảng 8-10 vạn tấn phân, 4-5 vạn tấn chất thải lỏng và hầu hết số phân và nước thải này chưa được

xử lý nên cũng gây ô nhiễm môi trường rất đáng kể. Các lò giết mổ gia súc, gia cầm thải ra môi trường một lượng chất bẩn cũng tương đối lớn (nước thải bẩn và chất thải động vật). Đồng thời, tại các chợ khu bán cá, thịt cũng thải ra môi trường rất nhiều chất bẩn chưa được xử lý. Tất cả những điều vừa nêu ảnh hưởng xấu tới phát triển bền vững môi trường sống trên địa bàn tỉnh.

3.2.3.2. Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững theo phương diện tiêu thụ nông sản

Trong điều kiện internet kết nối vạn vật, toàn cầu hóa phát triển mạnh mẽ, kinh tế số phát triển mạnh mẽ thì vấn đề nhập hoặc xuất nông sản phải dựa trên khả năng cạnh tranh, lợi nhuận thu được trong cạnh tranh. Tuy nhiên trong những năm vừa qua với điều kiện quy mô dân số khoảng 3,6 triệu người, việc giải quyết nhu cầu nông sản tại chỗ vẫn rất quan trọng đối với Thanh Hóa. Do đó việc phân tích phát triển nông nghiệp bền vững từ góc độ tiêu thụ nông sản cũng có ý nghĩa quan trọng. Các chỉ tiêu phản ánh bền vững về tiêu thụ nông sản cho thấy, tiêu thụ nông sản của tỉnh Thanh Hóa đang còn tương đối thấp và chưa thật ổn định. Chỉ có đường mía và gạo là có hàng hoá còn các nông sản khác đều chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ nội tỉnh. Điều này cho thấy nông sản hàng hóa tiêu thụ tại thị trường trong tỉnh vẫn là chủ yếu.

CHƯƠNG 4

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP BỀN VỮNG TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025

4.1. Định hướng phát triển nông nghiệp đến năm 2025

4.1.1. Dự báo các yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững trong những năm tới

4.1.1.1. Dự báo thị trường nông sản đối với tỉnh Thanh Hóa

Dự báo khả năng tham gia thị trường nông sản là vấn đề khó nhưng phải làm. Vì đây là một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng phương án phát triển nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở tham khảo các chuyên gia nông nghiệp ở trung ương và ở địa phương cùng sự giúp đỡ của một số cán bộ của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa, tác giả dự báo nhu cầu nông sản mà tỉnh Thanh Hóa có thể tham gia cung cấp. Con số tính toán chỉ ra rằng, triển vọng thị

trường nông sản của tỉnh Thanh Hóa là tương đối lớn đến năm 2025 và đến năm 2030. Nhu cầu nông sản thực phẩm tại chỗ (kể cả phục vụ khách du lịch) là rất đáng kể. Nếu xem xét cả thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Kazaxtan, Singapore.. thì có thể nói nhu cầu ngoài tỉnh vừa lớn vừa có tính khả thi và đó là yếu tố cần tính tới để hoạch định đường lối phát triển nông nghiệp của tỉnh này.

4.1.1.2. Ảnh hưởng từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, cơ hội từ các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết với nhiều nước trên thế giới

Ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 rõ nhất là sự phát triển công nghệ nông nghiệp và kỹ thuật canh tác tiến bộ nhanh chóng. Xu thế phát triển kinh tế số, công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa trong canh tác, bảo quản, chế biến nông sản, phân phối có sự phát triển nhanh chóng và mang dấu hiệu toàn cầu hóa rất rõ. Công nghệ hiện đại phục vụ phát triển nông nghiệp chuyển dịch giữa các quốc gia dễ dàng hơn và nhanh hơn. Các hình thức canh tác nhà lưới, nhà màng, thủy canh, khí canh và sản xuất nông sản sạch đã, đang, sẽ trở thành yếu tố góp phần làm cho nông nghiệp phát triển có hiệu quả và bền vững. Chuyển đổi số và phát triển kinh tế sẽ trở thành phương thức quan trọng để hiện đại hoá nông nghiệp của các tỉnh nói chung và của Thanh Hoá nói riêng.

Các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết với các quốc gia (đến năm 2018 Việt Nam đã ký kết 13 Hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực đã, đang và sẽ ảnh hưởng lớn đến phát triển nông nghiệp bền vững của Việt Nam nói chung và của Thanh Hóa nói riêng vừa đặt ra nhiều cơ hội cũng như đặt ra nhiều thách thức đối với sản xuất nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Cơ hội xuất khẩu nông sản và nhập khẩu các công nghệ tiên tiến để phát triển nông nghiệp của tỉnh Thanh Hoá thuận lợi hơn và trở thành cơ hội quan trọng để chuyển sang phát triển nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn của tỉnh này.

4.1.1.3. Ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu tới phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển nông nghiệp nói riêng của tỉnh Thanh Hóa

Học giả Bá Quốc cho biết gần đây hàng năm ở Việt Nam thiệt hại do thiên tai tương đối lớn (có khoảng vài chục tới cả trăm người chết và tổn thất khoảng 1,8 tỷ đô la Mỹ). Đồng thời, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời kỳ 2020-

2050 cũng lớn (xem bảng dưới). Nếu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với Thanh Hóa nằm trong biên độ cộng trừ 15-20% so với kịch bản dự báo cho Thừa Thiên Huế thì cũng là điều cảnh báo đáng quan tâm và những thông tin đó có thể quan sát rất bổ ích cho việc nghiên cứu phát triển nông nghiệp bền vững ở Thanh Hóa.

4.1.2. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến 2025 và những vấn đề đặt ra cho phát triển nông nghiệp của tỉnh

Để làm rõ thêm căn cứ của việc đổi mới định hướng phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh hóa trước hết cần phân tích làm rõ những vấn đề đặt ra từ định hướng phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của tỉnh. Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ảnh hưởng rất lớn tới việc xác định phương hướng đổi mới phát triển nền nông nghiệp của Thanh Hóa. Tham khảo các mục tiêu quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tham khảo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2011-2020, tham khảo kế hoạch 5 năm 2021-2025 của tỉnh cũng như của cả nước; tham khảo ý kiến của các nhà quản lý của tỉnh, tác giả dự báo một số chỉ tiêu cơ bản cho tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025. Thanh Hóa phấn đấu đạt được các mục tiêu mà Nghị quyết của Bộ Chính trị mang số 58NQ/TW ngày 5/8/2020) đã xác định, trong đó quan trọng là GRDP/ người đạt 5200 USD vào năm 2025. Nếu so năm 2025 với năm 2019, GRDP/ người gấp hơn 1,8 lần, khách du lịch gấp 1,3 lần, nhân khẩu thành thị trên địa bàn gấp 2,5 lần và tốc độ tăng GRDP khoảng 10-11% (gấp 1,04 lần so hiện nay)... Nhân khẩu đô thị tăng lên và đạt khoảng 65 vạn người vào năm 2019 và 1,3 triệu người vào năm 2025 (khoảng 70% số này là nông dân trở thành thị dân). GRDP/ người năm 2025 gấp khoảng 1,7 lần so năm 2019. Tốc độ tăng GRDP bình quân năm đạt khoảng 8,7-9%... Tất cả những điều đó đòi hỏi ngành nông nghiệp phải có đóng góp nhiều hơn. Muốn vậy cần hiện đại hóa nông nghiệp và việc phát triển nông nghiệp phải được tổ chức một cách khoa học và tiên bộ.

Về bảo vệ môi trường: Đến năm 2025 bên cạnh việc phấn đấu đạt được các mục tiêu kinh tế xã hội như đã nêu trên thì tỉnh Thanh Hoá, đặc biệt coi trọng mục tiêu về bảo vệ môi trường (nhất là mục tiêu bảo vệ môi trường ở thành thị và khu vực nông thôn). Không để xảy ra ô nhiễm môi trường trên diện rộng; bảo vệ môi trường nước trong sạch

gắn với việc cung cấp nước sạch cho khu vực nông thôn. Đồng thời, không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường, đất, môi trường nước, môi trường biển trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.

4.1.3. Định hướng phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hóa đến 2025 trong bối cảnh biến đổi khí hậu

4.1.3.1. Dự báo mục tiêu phát triển nông nghiệp của tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ chủ yếu để dự báo mục tiêu phát triển nông nghiệp bao gồm:

- (1) Đổi mới về chính sách phát triển nông nghiệp;
- (2) Các kịch bản ảnh hưởng của biến đổi khí hậu;
- (3) Yêu cầu đặt ra từ sự phát triển chung của nền kinh tế tỉnh và thị trường nông sản.

trường nông sản.

Phân đầu năm 2025 so với năm 2019, tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng nông nghiệp đạt mức gấp khoảng 1,2-1,3 lần; năng suất cây trồng, vật nuôi gấp 1,5-1,7 lần, giá trị gia tăng nông nghiệp đạt mức gấp 1,8-2 lần.

4.1.3.2. Định hướng phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa

- (1) *Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp và chuyển đổi mùa vụ*
- (2) *Phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực*

Giai đoạn 2020-2025: tiếp tục xây dựng các thương hiệu nông sản mang thương hiệu xứ Thanh, như đôi với: thịt bò, vịt, lúa gạo chất lượng cao, rau củ quả chất lượng cao, trái cây đặc sản, tôm nước lợ... cùng với việc hình thành những sản phẩm nông sản qua chế biến mang thương hiệu Thanh Hóa như: Bánh lá rặng bừa (Thọ Xuân), rượu (Cầu Lộc - Chi Lê - Hậu Lộc), Mắm Tôm Hậu Lộc, Chiếu cối Nga Sơn, Bánh đa Đắc Châu - Thiệu Hóa, Mộc Hạ Vũ - Hoàng Hóa, Mộc Đọt Tài Hoàng Hà - Hoàng Hóa), mây tre đan (Hoàng Thịnh - Hoàng Hóa), Quế (Thường Xuân), mật ong rừng; vịt Cổ Lũng (Bá Thước), nếp hạt cau (Thạch Thành)...

- (3) *Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao*

Đây là hướng phát triển quan trọng. Để phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, bền vững thì phải áp dụng nhiều công nghệ hiện đại thuộc các lĩnh vực khác nhau có giá trị đối với nông nghiệp. Ngoài các công nghệ nhà lưới, nhà màng, nhà kính, sử dụng công nghệ tưới nước phun hoặc nhỏ giọt hòa lẫn phân bón, cần phát triển cả các công nghệ vật lý (điều hòa ánh sáng, nhiệt độ), công nghệ hóa học (sử dụng phân hữu cơ, cải tiến chất lượng sản phẩm trồng trọt và chăn nuôi), công nghệ

sinh học (trong lĩnh vực cải tạo giống, nâng cao chất lượng nông sản, chế biến nông sản chất lượng cao và an toàn thực phẩm, công nghệ thông tin gắn với tự động hóa và tổ chức điều hành phát triển nông sản hiện đại, phát huy tác dụng của internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn và chuyển đổi số cho các cơ sở sản xuất và hộ gia đình hoạt động trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp...) và cần có định hướng với cả việc phát triển thủy canh đối với rau xanh.

(4) Định hướng phát triển nông nghiệp theo tiểu vùng

Thực hiện phương châm chuyên môn hóa theo các tiểu vùng để hình thành những nông sản chủ lực của tỉnh. Ba tiểu vùng nông nghiệp phải được chuyên môn hóa và tập trung hóa cao kết hợp ứng dụng công nghệ cao hợp lý. Cụ thể là:

Tiểu vùng miền núi và trung du: Chú ý tránh và ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do lũ, ngập lụt về mùa mưa bão. Tập trung phát triển cây ăn trái, cây mía, ngô, sắn; chăn nuôi bò, lợn, gia cầm, nuôi cá. Chuyển dần diện tích trồng cao su sang trồng cây ăn trái và chăn nuôi. Những diện tích mía năng suất thấp (dưới 90 tạ/ ha và chỉ có trừ đường khoảng 10%) chuyển sang trồng dưa lưới, hay dưa Kim Hoàng Hậu.

Tiểu vùng đồng bằng và ven biển: Phát triển nông, lâm, thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa, sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đặc biệt chú ý tránh và giảm thiểu thiệt hại từ xâm nhập mặn về mùa khô và bão gió về mùa mưa.

4.2. Giải pháp chủ yếu để phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh biến đổi khí hậu đến năm 2025

Giải pháp số 1: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với nông nghiệp;

Giải pháp số 2: Đổi mới cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp và huy động vốn cho đầu tư phát triển nông nghiệp;

Giải pháp số 3: Đẩy mạnh việc tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng tiên tiến;

Giải pháp số 4: Giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu đối với phát triển nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa;

Giải pháp số 5: Phát triển nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp bền vững.

4.3. Đánh giá triển vọng phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025

Để chứng minh cho sự đúng đắn của định hướng và giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở tỉnh Thanh Hóa mà tác giả đã đề xuất, nên và phải đánh giá triển vọng và mức độ bền vững có thể đạt được đến năm 2025.

4.3.1. Đánh giá tổng hợp phát triển bền vững nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa đến 2025

Từ những dự báo phát triển, theo cách phân tích đã trình bày ở chương 2, tác giả tính toán các chỉ tiêu và đặt chúng trong mối tương quan để thấy rõ hơn sự phát triển nông nghiệp bền vững của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2020-2025. Giữa các khâu trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp đã có sự phát triển tiến bộ hơn, phù hợp hơn. Trong giai đoạn 2020-2025, diện tích đất trồng trọt giảm đi 26% (tương đương giảm 66 nghìn ha) nhưng do nông nghiệp phát triển trên cơ sở hiện đại hóa và đổi mới cơ cấu ngành nghề một cách căn bản nên hàng năm GTSX nông nghiệp vẫn tăng khoảng 4%; GTGT nông nghiệp tăng khoảng 5,4-5,5%. Riêng giá trị trồng trọt tăng khoảng 3%, chăn nuôi khoảng 7-8%, dịch vụ nông nghiệp tăng trên 10% và giá trị nông sản hàng hóa tăng khoảng 10-11%. Nhìn chung mức tăng của nông nghiệp Thanh Hóa trong giai đoạn 2020-2025 gấp khoảng 2-2,3 lần, riêng nông sản hàng hóa gấp khoảng 4 lần so thời kỳ 2011-2020.

4.3.2. Đánh giá cụ thể

Nếu so 2025 với 2019, thì năng suất lao động nông nghiệp gấp 1,52 lần, GTSXNN/ ha nông nghiệp gấp 1,79 lần, GTSX/ ha trồng trọt gấp 1,63 lần, GTSXNN/ nhân khẩu nông nghiệp gấp 1,62 lần. Đồng thời, tỷ suất nông sản hàng hóa (đưa ra khỏi tỉnh và xuất khẩu tại chỗ thông qua phục vụ nhu cầu của khách du lịch quốc tế) đã tăng từ mức 15,9% năm 2019 lên khoảng 23% vào năm 2025. Hiệu quả phát triển nông nghiệp đã tăng lên rõ, tỷ trọng GTGT trong tổng GTSX tăng được 5,4 điểm %, tỷ trọng nông sản hàng hóa tăng được 6,2 điểm %; năng suất lao động gấp 1,34 lần, GTGT nông nghiệp/ 1 ha đất nông nghiệp gấp 1,38 lần.

KẾT LUẬN CHUNG CỦA LUẬN ÁN

(1). Phát triển nông nghiệp bền vững ở tỉnh Thanh Hóa là có cơ sở khoa học và có thể làm được. Chính quyền, doanh nghiệp và người dân phải đồng lòng và quyết tâm cao là yếu tố quan trọng. Trong việc phát triển nông nghiệp bền vững vai trò của chính quyền tỉnh, huyện, xã cũng như của doanh nghiệp là rất lớn.

(2). Luận án đã chỉ ra bản chất của phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh trong bối cảnh biến đổi khí hậu, 6 yếu tố chủ yếu ảnh hưởng tới phát triển nông nghiệp bền vững, kiến nghị phương cách phát triển nông nghiệp bền vững (hình thành chuỗi giá trị nông sản, tổ hợp nông - công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao); đồng thời, đề xuất nội dung và chỉ tiêu đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững đối với một tỉnh trong điều kiện Việt Nam.

(3). Luận án cho thấy, trong giai đoạn 2011 - 2019, sản xuất nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa tuy có bước phát triển khá hơn nhưng nhìn chung chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh và lợi thế so sánh; hiệu quả đang còn thấp, thiếu bền vững. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng phải kể đến một số nguyên nhân chính như: Quản lý nhà nước có nhiều hạn chế mà biểu hiện rõ nhất ở việc quy hoạch phát triển nông nghiệp chưa có đủ căn cứ khoa học, thiếu tầm nhìn, chưa tính tới một cách đủ mức yếu tố toàn cầu hóa và ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Để phát triển nông nghiệp bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu nhất thiết phải thực hiện 5 giải pháp cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cần bắt đầu từ đổi mới quản lý nhà nước, đổi mới đường lối phát triển nông nghiệp theo hướng bền vững, có giá trị gia tăng cao và bám sát yêu cầu của thị trường;

Thứ hai, sản xuất nông nghiệp phải được tổ chức một cách khoa học, theo hướng tiên tiến. Trước hết phát triển mạnh liên kết để hình thành cho được một số Tổ hợp nông - công nghiệp và một số chuỗi giá trị nông sản như đã trình bày trong luận án;

Thứ 3, tiếp tục tìm cách gia tăng quy mô vốn đầu tư cho việc phát triển nông nghiệp và đổi mới cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ, tạo và nhập giống có năng suất và chất lượng cao;

Thứ 4, đổi mới cơ cấu đầu tư phát triển nông nghiệp;

Thứ 5, phát triển nhân lực nông nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

(4). Để có đủ số liệu cho việc nghiên cứu chất lượng, hiệu quả và bền vững đối với nông nghiệp ở tỉnh Thanh Hóa tác giả nhận thấy rằng, chính quyền tỉnh cần đổi mới công tác thống kê theo hướng coi trọng thống kê các chỉ tiêu chất lượng, phản ánh hiệu quả phát triển nông nghiệp; tăng cường dự báo và đo lường mức độ ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới phát triển nói chung và tới phát triển nông nghiệp nói riêng; cũng như phải tổ chức đánh giá chất lượng, hiệu quả, bền vững phát triển nông nghiệp và công khai đại chúng kết quả đánh giá đó.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ**

1. Phạm Thị Diệu Linh (2017), *Để phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 18 (6/2017), Hà Nội.
2. Phạm Thị Diệu Linh (2018), *Phát triển nông nghiệp bền vững tại tỉnh Thanh Hoá*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 17 (6/2018), Hà Nội.
3. Phạm Thị Diệu Linh (2019), *Đánh giá phát triển nông nghiệp bền vững tỉnh Thanh Hoá: từ lý luận đến thực tiễn*, Hội thảo khoa học quốc tế lần thứ 2 “Các vấn đề đương đại trong kinh tế, quản trị và kinh doanh”, tháng 11/2019), Hà Nội.
4. Phạm Thị Diệu Linh (2020), *Phát triển nông nghiệp tỉnh Thanh Hoá ứng phó với biến đổi khí hậu*, Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 07 (3/2020), Hà Nội.
5. Ngô Thắng Lợi, Phạm Thị Diệu Linh (2020), *Phát triển nông nghiệp bền vững góp phần bứt phá kinh tế của tỉnh Thanh Hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế*, Hội thảo khoa học quốc tế “Kinh tế và thương mại quốc tế tác động tới doanh nghiệp Việt Nam”, tháng 12/2020, Hà Nội.